TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/TCDS-ST
Ngày 27 - 11 - 2019
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Thanh Diện
2. Ông Hoàng Công Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST-TCDS ngày 06/5/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-TCDS ngày 11/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ. Địa chỉ: Tháp B, số 35 H, quận K, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh B - Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ. Địa chỉ: Số 368, đường Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Xuân T - Phó trưởng phòng Quản lý rủi ro chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Địa chỉ: Số 368, đường Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H- Sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Lệ T- Sinh năm 1982. Có mặt.

Cùng cư trú tại: tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung của Đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2019, Bản tự khai, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng B) và ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Lệ T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8430324/HĐTD ngày 01/4/2016 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/8430324/HĐTD ngày 09/02/2018. Theo đó, ông H và bà T vay của Ngân hàng B tổng số tiền là 500.000.000 đồng. Thời hạn vay của 2 hợp đồng đều là 60 tháng. Đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8430324/HĐTD ngày 01/4/2016, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 9,0%/năm; điều chỉnh lãi suất 03 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh đầu tiên là 02/4/2017, biên độ điều chỉnh 4%/năm; kỳ hạn trả nợ: trả nợ gốc mỗi tháng một lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/6/2016, kỳ trả nợ gốc lần cuối cùng vào ngày 01/4/2021; trả nợ lãi mỗi tháng một lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/4/2016.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông H và bà T đã ký với Ngân hàng B Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8430324/HĐBĐ ngày 01/4/2016, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 04/4/2016, tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 751097, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01268 do UBND huyện T cấp ngày 05/10/2012 mang tên ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ T.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H, bà T đã thanh toán được 60.000.000 đồng tiền gốc. Hiện ông H và bà T còn nợ Ngân hàng B số tiền gốc là 440.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 21/3/2019 là 85.896.229 đồng và phí quá hạn là 2.517.472 đồng. Vì vậy, Ngân hàng B khởi kiện đến Tòa án yêu cầu buộc ông H và bà T phải thanh toán cho B toàn bộ số tiền nợ nói trên và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thực tế trả hết nợ. Trường hợp ông H và bà T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ số nợ cho ngân hàng. Về phía bị đơn là ông H và bà T: quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập đến

làm việc nhiều lần nhưng ông H và bà T đều vắng mặt nên Tòa án không thể tổ chức để các đương sự hòa giải được.

Theo kết quả xác minh trực tiếp với ông H và bà T tại nhà riêng ở tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cho thấy: mặc dù ông H, bà T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập nhiều lần nhưng do ông H làm nghề đánh bắt thủy hải sản ở khu vực biển Đông nên thể sắp xếp được thời gian để tham gia làm việc theo sự triệu tập của Tòa án được. Ông H, bà T thừa nhận đã vay của Ngân hàng B tổng số tiền là 500.000.000 đồng nhưng chỉ mới trả được 60.000.000 đồng và tạm tính đến hết ngày 21/3/2019 thì ông bà còn nợ Ngân hàng B tổng số tiền là 528.413.701 đồng đúng như Ngân hàng B đã khởi kiện. Tuy nhiên, do điều kiện đánh bắt thủy, hải sản hiện nay còn khó khăn nên ông bà chưa có điều kiện để trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, ông bà có nguyện vọng Ngân hàng tạo điều kiện cho ông bà trả nợ dần từng đợt cho đến khi thực tế trả hết nợ.

Do quá trình giải quyết vụ án, các bên không thống nhất được với nhau về phương thức giải quyết vụ án nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về mặt tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị đơn có mặt để tham gia xét xử theo giấy triệu tập của tòa án nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Thấy rằng yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 335, 336, 342, 463, 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H và bà T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B tính đến ngày xét xử sơ thẩm (27/11/2019) với tổng số tiền: 533.443.028 đồng (bao gồm nợ gốc là 440.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 86.659.374 đồng; lãi quá hạn: 6.783.654 đồng. Trong trường hợp bị đơn ông H, bà T không trả được nợ thì đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng B theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Ông Nguyễn Ngọc Hvà bà Nguyễn Thị Lệ Tký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8430324/HĐTD ngày 01/4/2016 và Hợp đồng tín dụng số

01/2018/8430324/HĐTD ngày 09/02/2018 với Ngân hàng B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện mà không bị ai cưỡng bức hay ép buộc. Mặt khác, nội dung của Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8430324/HĐTD ngày 01/4/2016 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/8430324/HĐTD ngày 09/02/2018 đều phù hợp theo quy định tại Điều 398 Bộ luật Dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H, bà T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp trên là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ T cùng có địa chỉ cư trú tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông H và bà T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng B. Căn cứ theo yêu cầu của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8430324/HĐTD ngày 01/4/2016 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/8430324/HĐTD ngày 09/02/2018 được ký kết giữa các bên là B với ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ T về hình thức và nội dung đều tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 116, 117, 317, 319, 335, 336, 398, 401, 463, 468 Bộ luật Dân sự nên các hợp đồng này đều có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên giao kết hợp đồng.Theo đó, Ngân hàng B đã giải ngân cho ông H, bà T vay 500.000.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền vay, ông H và bà T chỉ mới trả tiền nợ gốc được 60.000.000 đồng. Sau đó cho đến tạm tính đến hết ngày 21/3/2019, ông H và bà T đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi đúng theo cam kết. Tại Biên bản xác minh ngày 15/8/2019, ông H và bà T thừa nhận còn nợ B số tiền gốc là 440.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tạm tính đến hết ngày 21/3/2019 là 85.896.229 đồng và phí quá hạn là 2.517.472 đồng. Tuy nhiên, cho đến nay, ông H và bà T vẫn không thực hiện được cam kết của mình, không trả thêm được khoản nào cho Ngân hàng B. Như vậy, ông H và bà T đã vi phạm nghĩa vụ đã cam kết tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên theo quy định tại các Điều 274, 280, 466 Bộ luật Dân sự. Do đó việc Ngân hàng B yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà T thanh toán toàn bộ số nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (27/11/2019) là 533.443.028 đồng (bao gồm nợ gốc là 440.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 86.659.374 đồng; lãi quá hạn: 6.783.654 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Xét yêu cầu đối với tài sản thế chấp: Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8430324/HĐBĐ ngày 01/4/2016, ông H và bà T đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 751097 để đảm bảo cho khoản vay. Ngân hàng B yêu cầu Tòa án tuyên quyền xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận. Trường hợp ông H, bà T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng B được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nói trên để thu hồi toàn bộ số nợ cho Ngân hàng B.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng B được chấp nhận nên ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Ngân hàng B theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 116, 117, 299, 317, 319, 335, 336, 398, 401, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ: buộc ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (27/11/2019) là 533.443.028 đồng *(Năm trăm ba mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn không trăm hai mươi tám đồng)*. Trong đó, nợ gốc là 440.000.000 đồng *(Bốn trăm bốn mươi triệu);* nợ lãi trong hạn: 86.659.374 đồng *(Tám mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng)*; lãi quá hạn: 6.783.654 đồng *(Sáu triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi bốn đồng)*

Trường hợp ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ T không trả được toàn bộ số nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Quảng Bình xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 751097, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01268 do UBND huyện T cấp ngày 05/10/2012 mang tên ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ T để thu hồi toàn bộ số nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ T phải nộp 25.337. 721 đồngtiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí 12.568.274 đồng *(Mười hai triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng)* mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002361 ngày 06/5/2019.

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (27/11/2019) cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

" Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Đối với người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án (Đối với người vắng mặt).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS thị xã B;
- VKSND thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn